TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HC-PT
Ngày 22 - 02 - 2023
Về việc "Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính về quản lý đất đai và buộc thực hiện hành vi hành chính về quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Ông Hà Huy Cầu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại phòng xét xử số 5 trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 663/2022/TLPT-HC ngày 26 tháng 10 năm 2022, về việc "*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính về quản lý đất đai và buộc thực hiện hành vi hành chính về quản lý đất đai*". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2022/HC-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3113/2022/QĐPT-HC ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* ông Lê Bảo T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 276, đường TĐT, ấp Trung 3, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang; (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 15/02/2023).

+ Người bị kiện:

1. Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang; Địa chỉ: số 837, THĐ, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang (xin xét xử vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân huyện PT; Địa chỉ: Ấp Thượng 1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang (xin xét xử vắng mặt).

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện PT,

tỉnh An Giang:

- Phạm Hoài Ph - Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện PT, tỉnh An Giang; (có mặt).

- Đỗ Thanh T - Viên chức Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực PT, tỉnh An Giang; (có mặt).

- Trần Văn R - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện PT, tỉnh An Giang; (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Lê Bảo T là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người khởi kiện ông Lê Bảo T trình bày:*

Ông Lê Bảo T cùng cha là Lê Văn T1 cư trú ổn định trên phần đất 800m^2 tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 58 đường Tỉnh 954, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang hơn 34 năm nay, hiện nay ông T đang quản lý và sử dụng đất.

Ngày 30 tháng 5 năm 2005, ông Lê Văn T1 có làm văn bản cho ông Lê Bảo T diện tích đất nói trên, vị trí giáp ranh đất Nhà Văn hóa huyện PT cặp đường Tỉnh 954.

Ngày 14 tháng 3 năm 2020, ông T đi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất thì Văn phòng Đăng ký đất đai (sau đây viết tắt VPĐKĐĐ) - Chi nhánh PT ra Văn bản số: 2753/CNPT-KT, ngày 31 tháng 7 năm 2020 về việc hoàn trả hồ sơ với lý do thửa đất của ông Lê Bảo T đăng ký đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt UBND) tỉnh An Giang ban hành Quyết định số: 879/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 4 năm 2000 về việc thu hồi và giao đất cho Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng khu vực PT để xây dựng đường Số 04 (nay là đường Nguyễn Hữu Cảnh).

Sau đó, ông T khiếu nại đến VPĐKĐĐ - Chi nhánh PT được giải quyết tại Văn bản số: 271/CNPT-ĐK, ngày 01 tháng 9 năm 2020 với nội dung không thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt GCNQSDĐ) cho ông T với lý do đất bị nhà nước thu hồi.

Ông T tiếp tục khiếu nại đến UBND huyện PT, được giải quyết tại Văn bản số: 897/UBND-TNMT, ngày 09/04/2021 về việc trả lời đơn phản ánh, kiến nghị của công dân, với nội dung *"không thể xem xét cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Bảo T"*.

Không đồng ý với kết quả giải quyết nêu trên, ông T khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, yêu cầu:

+ Hủy Văn bản số: 2753/CNPT-KT, ngày 31/7/2020 của VPĐKĐĐ - Chi nhánh PT về việc hoàn trả hồ sơ;

+ Hủy Văn bản số: 897/UBND-TNMT, ngày 09/4/2021 của UBND huyện PT về việc trả lời đơn phản ánh, kiến nghị của công dân;

+ Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang buộc VPĐKĐĐ tỉnh An Giang thực hiện hành vi lập thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất 800m^2 tại Thửa đất số 31, Tờ bản đồ số 58 tại đường Tỉnh 954, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang cho ông Lê Bảo T.

Ông T trình bày ông T1 không biết Quyết định số: 1088/QĐ.UB, ngày 20/8/2000 của UBND huyện PT về việc đền bù thiệt hại để xây dựng công trình đường số 04 của UBND huyện PT cũng không có việc ông T1 nhận số tiền bồi thường đối với Thửa đất ông T đang xin cấp GCNQSDĐ.

Việc trình bày của UBND huyện PT, ông T không thừa nhận.

- *Người bị kiện:*

1. Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang trình bày theo Công văn số: 758/VPĐKĐĐ-ĐKCG, ngày 10/6/2022, có nội dung:

Ngày 14/3/2020, ông Lê Bảo T có nộp hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ lần đầu tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện PT.

Theo Báo cáo số: 203/CNPT-ĐK, ngày 06/7/2020 của VPĐKĐĐ - Chi nhánh PT thì khu đất ông Lê Bảo T đề nghị cấp GCNQSDĐ nằm trong khu quy hoạch đường Số 4 nay là đường Nguyễn Hữu Cảnh, tứ cận khai không đúng và có sự chồng lấn qua phần đất đã được bồi hoàn cho bà Pha, hiện trạng thửa đất có mương nước cho cả khu vực phía trong đề nghị cắt bỏ ra. Do đó, VPĐKĐĐ - Chi nhánh PT chưa đủ cơ sở để tiến hành làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Bảo T.

Ngày 31/7/2020, VPĐKĐĐ - Chi nhánh PT có Văn bản số: 2753/CNPT-KT hoàn trả hồ sơ cho ông Lê Bảo T do thửa đất đã được UBND tỉnh An Giang ban hành Quyết định số: 879/QĐ-UBND, ngày 24/4/2000 về việc thu hồi và giao đất cho Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng khu vực PT xây dựng đường Số 4 (nay là đường Nguyễn Hữu Cảnh) thuộc phạm vi thu hồi làm đường Nguyễn Hữu Cảnh có độ rộng là 24m. Đề nghị ông Lê Bảo T liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện PT.

VPĐKĐĐ tỉnh An Giang xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

2. UBND) huyện PT trình bày theo Công văn số: 1489/UBND-TNMT, ngày 07/6/2022, có nội dung:

Khu đất ông Lê Bảo T (con của ông Lê Văn T1) xin cấp GCNQSDĐ (tại vị trí quán phở Hải Đăng và cửa hàng điện thoại di động Bảo Toàn) có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị Pha sử dụng trước năm 1975, đến khoảng trước năm 1987 bà Nguyễn Thị Pha bán lại cho bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt. Bà Nguyệt là vợ sau của ông Lê Văn T1; ông T là con riêng của ông T1 (con vợ trước).

Ngày 21/8/2000, UBND huyện PT ban hành Quyết định số: 1088/QĐ.UB về việc đền bù thiệt hại để xây dựng công trình đường Số 04 thuộc khu hành chánh huyện (Sau đây vết tắt Quyết định số: 1088/QĐ.UB). Nội dung Quyết định số: 1088/QĐ.UB bồi thường gồm: đất, cây trồng và vật kiến trúc trên đất,

trong đó phần diện tích đất được thu hồi và bồi thường là 773m^2 (ngang 24m, dài 32,2m), với số tiền 27.055.000 đồng cho ông Lê Văn T1. Sau khi có Quyết định số: 1088/QĐ.UB thì phát sinh tranh chấp thừa kế đối với số tiền bồi thường diện tích đất này (do bà Nguyệt chết).

Ngày 22/9/2000, Tòa án nhân dân huyện PT ban hành Văn bản thụ lý số 275 về việc tranh chấp thừa kế giữa: nguyên đơn là ông Nguyễn Khiến, bà Trang Thị Tốt (là cha mẹ ruột bà Nguyệt) với bị đơn là ông Lê Văn T1 đối với phần diện tích đất 773m^2 (được thu hồi và bồi thường Công trình đường số 04).

Ngày 22/9/2000, Tòa án nhân dân huyện PT ban hành Quyết định kê biên khẩn cấp tạm thời số: 74/QĐKB; Đội Thi hành án huyện PT ban hành Quyết định số: 437/THA, ngày 23/9/2000, có nội dung kê biên khẩn cấp tạm thời đối với số tiền bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất diện tích 773m^2 x 35.000đ/m^2 = 27.055.000 đồng theo Quyết định số: 1088/QĐ.UB để đảm bảo cho công tác xét xử và thi hành án.

Ngày 27/9/2000, Đội Thi hành án huyện PT có Công văn số: 388/THA yêu cầu Phòng Kế hoạch – Đầu tư huyện PT chuyển số tiền 27.055.000 đồng vào tài khoản của Đội Thi hành án huyện để thực hiện theo Quyết định kê biên khẩn cấp tạm thời số: 74/QĐKB.

Ngày 29/9/2000, Ban Quản lý dự án đầu tư –Xây dựng huyện PT chuyển số tiền 27.055.000 đồng cho Đội Thi hành án huyện quản lý, theo Ủy nhiệm chi số 01/9.

Ngày 10/10/2000, Tòa án nhân dân huyện PT ban hành Quyết định số: 298/HGT công nhận việc hòa giải thành giữa ông Nguyễn Thiện Hiếu (đại diện ông Nguyễn Khiến, bà Trang Thị Tốt theo ủy quyền) với ông Lê Văn T1.

Ngày 08/11/2000, Đội Thi hành án huyện ban hành Quyết định số: 481/THA và Quyết định số: 484/THA, nội dung cho thi hành án như sau: ông Nguyễn Thiện Hiếu (đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Khiến, bà Trang Thị Tốt và cũng là người giám hộ cho cháu Lê Thị Thu Ngân (con bà Nguyệt)) được nhận số tiền 13.527.500 đồng; ông Lê Văn T1 được trọn quyền sở hữu số tiền 13.527.500 đồng. Ông Nguyễn Thiện Hiếu, ông Lê Văn T1 đã được nhận đủ số tiền nêu trên vào tháng 11/2000 và đã kết thúc việc thi hành án (Các nội dung về xử lý số tiền nêu trên được xác nhận theo Công văn số: 95/CV-CCTHADS, ngày 19/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT gửi Phòng Tài nguyên và môi trường huyện PT).

Qua rà soát, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ địa chính thì phần đất ông Lê Bảo T xin cấp GCNQSDĐ đã được thu hồi, bồi thường cho ông Lê Văn T1 theo Quyết định số: 1088/QĐ.UB, ngày 21/8/2000 của UBND huyện PT, với diện tích 773m^2 (ngang 24m, dài 32,2m), với số tiền 27.055.000 đồng và ông T1, ông Hiếu đã nhận đủ số tiền là 27.055.000 đồng theo Quyết định công nhận hòa giải thành của Tòa án nhân dân huyện PT và Quyết định thi hành án của Đội Thi hành án huyện PT.

Ngoài ra, căn cứ theo hồ sơ cấp GCNQSDĐ số CHO2558, diện tích 755,4m^2, Thửa số 221, Tờ bản đồ số 46, loại đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm, cấp ngày 23/6/2011 cho ông Lê Văn T1 thì Biên bản đo đạc, xác định giáp ranh với đường số 04 (vị trí đất hiện nay ông T đăng ký cấp GCNQSDĐ) đã bồi thường cho ông T1 năm 2000 (ông T1 có ký tên vào Biên bản đo đạc xác định ranh giới, mốc giới khu đất).

Do đó, phần đất ông Lê Bảo T xin cấp GCNQSDĐ là đất công (đường Số 04) do Nhà nước quản lý nên không thể xem xét cấp GCNQSDĐ cho ông T.

UBND huyện PT giữ y quan điểm theo nội dung Công văn số: 897/UBND-TNMT, ngày 09/4/2020 của UBND huyện PT về việc trả lời đơn phản ánh, kiến nghị của công dân.

Về tham gia tố tụng: UBND huyện PT xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc tiếp theo, các phiên hòa giải, đối thoại, các phiên tòa xét xử cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2022/HC-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, Điều 30; khoản 3 và khoản 4, Điều 32; điểm a, khoản 2, Điều 193; khoản 1, Điều 206 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1, Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Bác toàn bộ yêu cầu của ông Lê Bảo T khởi kiện đối với:

+ Văn bản số 2753/CNPT-KT ngày 31/7/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh PT về việc hoàn trả hồ sơ;

+ Văn bản số 897/UBND-TNMT, ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện PT về việc trả lời đơn phản ánh, kiến nghị của công dân;

+ Hành vi của Văn phòng Đăng ký đất đai về việc không lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 800m^2 tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 58 tại đường tỉnh 954, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang cho ông Lê Bảo T.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 05/9/2022, ông Lê Bảo T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào các văn bản photo, bản sao không hoàn chỉnh; không xem xét toàn diện chứng cứ, lập luận không căn cứ điều luật cụ thể hay văn bản liên quan là vi phạm pháp luật. Do đó, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm thu thập chứng cứ theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 84 Luật tố tụng hành chính; sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện là Hủy văn bản số: 2753/CNPT-KT ngày 31/7/2020 của Văn phòng Đăng

ký đất đai - Chi nhánh PT về việc hoàn trả hồ sơ; hủy văn bản số 897/UBND-TNMT ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện PT về việc trả lời đơn phản ánh, kiến nghị của công dân; buộc VPĐKĐĐ tỉnh An Giang thực hiện hành vi lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 800m^2 tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 58 tại đường tỉnh 954, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang cho ông Lê Bảo T.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người kháng cáo, ông Lê Bảo T có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo ngày 05/9/2022 vừa nêu trên và không cung cấp chứng cứ mới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Phạm Hoài Ph, trình bày: Bảo lưu các văn bản trình bày của người bị kiện như nội dung án sơ thẩm đã nêu trên, thống nhất với quyết định của án sơ thẩm, không đồng ý đối với kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Bảo T, nên đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện còn lại là ông Đỗ Thanh T, Trần Văn R thống nhất với trình bày nêu trên của ông Phong, không có ý kiến bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

Về nội dung: Kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ, khi giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, quyết định của Tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông T, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về Thủ tục tố tụng:*

[1] Tòa sơ thẩm xét xử ngày 26 tháng 8 năm 2022 đến ngày 05 tháng 9 năm 2022 người khởi kiện ông Lê Bảo T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nên kháng cáo người khởi kiện là hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Người khởi kiện, người bị kiện đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Tòa sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện; thẩm quyền giải quyết; thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32 và khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

- *Về nội dung:*

[1] Đối với kháng cáo của người khởi kiện về yêu cầu thu thập chứng cứ theo điểm g khoản 2 Điều 84 Luật tố tụng hành chính và thu thập chứng cứ về việc Chi cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang đã chi tiền bồi hoàn đất quy hoạch cho ông Lê Văn T1, xét: Khi giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng chứ đọc được, nhìn được theo đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 82 và điểm g khoản 1 Điều 84 Luật tố tụng hành chính (BL 120, 141; 139; 135 - 137; 150; 168) nên kháng cáo này của ông T là không có căn cứ để chấp nhận. Riêng việc xác định kết quả thi hành án thì tại Công văn số 95/CV-CCTHADS ngày 19/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang đã xác định ông Lê Văn T1 đã được chi trả số tiền 13.527.500 đồng nên việc thi hành án đã kết thúc vào thời điểm tháng 11/2000, do đó Tòa sơ thẩm xác định việc ông T1 có nhận số tiền bồi thường theo Quyết định số 1088/QĐ.UB hay không, không thuộc thẩm quyền giải quyết của vụ án này là đúng quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

[2] Đối với kháng cáo của người khởi kiện về yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện, xét:

[2.1] Ngày 24/4/2000, UBND tỉnh An Giang ban hành Quyết định số: 879/QĐ.UB về việc thu hồi và giao đất cho Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện PT, có nội dung thu hồi diện tích đất 8.748m^2 do các hộ dân đang sử dụng và giao 12.514m^2 cho Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện PT để sử dụng vào mục đích chuyên dùng (xây dựng đường Số 4 – BL 141).

- Ngày 21/8/2000, UBND huyện PT ban hành Quyết định số: 1088/QĐ.UB về việc đền bù thiệt hại để xây dựng công trình đường Số 04 thuộc khu Hành chính huyện (BL 137). Nội dung quyết định bồi thường cho ông Lê Văn T1 gồm: đất, cây trồng và vật kiến trúc trên đất, trong đó phần diện tích đất được thu hồi và bồi thường là 773m^2 (ngang 24m, dài 32,2m), với số tiền 27.055.000 đồng cho ông Lê Văn T1. Sau khi có Quyết định số 1088/QĐ.UB thì phát sinh tranh chấp di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt đối với phần diện tích đất này (do bà Nguyệt vợ ông T1 chết).

[2.2] Vụ án tranh chấp di dản thừa kế giữa ông Nguyễn Khiến, bà Trang Thị Tốt và ông Lê Văn T1 đối với số tiền 27.055.000 đồng được nêu trong Quyết định số 1088/QĐ.UB đã được Tòa án nhân dân huyện PT giải quyết. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã ban hành Quyết định kê biên khẩn cấp tạm thời số 74/QĐKB, ngày 22/9/2000 kê biên quản lý đối với số tiền 27.055.000 đồng của ông Lê Văn T1 được bồi thường theo Quyết định số 1088/QĐ.UB do Phòng Kế hoạch đầu tư huyện PT quản lý để đảm bảo cho công tác xét xử và thi hành án (BL 154).

- Vụ án tranh chấp di dản thừa kế được các đương sự thỏa thuận phân chia theo pháp luật, nên Tòa án nhân dân huyện PT ban hành Quyết định công nhận việc hòa giải thành số 29/HGT, ngày 10/10/2000, có nội dung:

+ *"- Tài sản chung của vợ chồng anh Lê Văn T1 và chị Nguyễn Thị Thu Nguyệt (chết) là số tiền bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất lần 2 theo quyết định*

của UBND huyện PT số 1088 ngày 21 tháng 8 năm 2000 là 27.055.000đ. Được chia thừa kế phần tài sản của chị Nguyệt cho những người ở hàng thừa kế thứ nhất như: ông Khiến, bà Tốt (là cha mẹ đẻ chị Nguyệt), cháu Lê Thị Thu Ngân, sn: 1987 (là con anh Tâm, chị Nguyệt), và anh Tâm.

** Số tiền 27.055.000đ được chia như sau:*

Anh Lê Văn T1 được trọn quyền sở hữu số tiền 13.527.500 đ (50% trong số tài sản chung vợ chồng)…".

[2.3] Theo Công văn số 95/CV-CCTHADS, ngày 19/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện PT (Bút lục 139) có nội dung: *"1/- Tại Quyết định số 74/KBKCTT ngày 22/9/2000 của Tòa án nhân dân huyện PT và quyết định thi hành án số 437/THA ngày 23/9/2000 của Đội thi hành án huyện PT, nội dung cho thi hành kê biên khẩn cấp tạm thời tài sản (tiền đồng Việt Nam) là 27.055.000đ của ông Lê Văn T1 ngụ ấp Trung 1, thị trấn PM, huyện PT để đảm bảo cho công tác xét xử và thi hành án (do Phòng Kế hoạch đầu tư huyện PT quản lý).*

- Ngày 27/9/2000, Đội Thi hành án huyện PT có Công văn số 388/THA yêu cầu Phòng Kế hoạch Đầu tư huyện PT chuyển số tiền trên vào tài khoản của Đội thi hành án để thực hiện theo quyết định khẩn cấp tạm thời. Ngày 29/9/2000 Đội thi hành án tiếp nhận số tiền 27.055.000 đồng từ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng PT theo Ủy nhiệm chi số 01/9.

- Tại Quyết định công nhận việc hòa giải thành số 298/HGT ngày 10/10/2000 Tòa án nhân dân huyện PT và Quyết định thi hành án số 481/THA và Quyết định số 484/THA ngày 08/11/2000 của Đội Thi hành án huyện PT nội dung cho thi hành như sau: Ông Nguyễn Thiện Hiếu (đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Khiến, bà Trang Thị Tốt và Lê Thị Thu Ngân (là con của anh Tâm và chị Nguyệt)) được nhận số tiền 13.527.500 đồng; Ông Lê Văn T1 được trọn quyền sở hữu số tiền 13.527.500 đồng…".

[2.4] Về vị trí đất, phần đất của ông T1 bị thu hồi và bồi thường theo Quyết định số 1088/QĐ.UB là để xây dựng đường số 4. Đối chiếu hồ sơ ông T1 xin cấp quyền sử dụng đất tại thửa số 221, tờ bản đồ số 46, diện tích 755,4m^2 theo GCNQSDĐ số vào sổ: CH02558 do UBND huyện PT cấp ngày 23/6/2011, Sơ đồ thửa đất trong GCNQSDĐ này thể hiện vị trí đất ông T1 được cấp giấy có cạnh tiếp giáp đường Số 4 là đã xác định một phần đất đã bị thu hồi làm đường số 4. Qua đó đã thể hiện, thửa đất ông T xin cấp quyền sử dụng đất đã được UBND huyện PT thu hồi và đã bồi thường cho ông T1 xong vào năm 2000, ông T1 đã biết Quyết định số 1088/QĐ.UB và đã thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với số tiền bồi thường được nêu trong Quyết định số 1088/QĐ.UB.

Việc ông T trình bày cha ông tên Lê Văn T1 không phải sinh năm 1927, ông T1 không biết và không nhận tiền bồi thường đất được nêu trong Quyết định số 1088/QĐ.UB. Hội đồng xét xử xét thấy, các tài liệu do Tòa án thu thập được từ Tòa án nhân dân huyện PT thể hiện ông Lê Văn T1 sinh năm 1950, nhưng trong Quyết định công nhận việc hòa giải thành ghi ông Lê Văn T1 sinh năm

1927 có thể là do sai sót, nhưng việc sai sót này không làm thay đổi bản chất của sự việc.

Tại Biên bản lấy lời khai Lê Văn T1 (BL152) và Biên bản hòa giải thành cùng ngày 25/9/2000 của Tòa án nhân dân huyện PT (BL153) có chữ ký của ông Lê Văn T1 đều thể hiện ông T1 biết Quyết định số 1088/QĐ.UB thu hồi đất và bồi thường cho ông số tiền 27.055.000 đồng; ông xác nhận đó là tài sản chung của ông và bà Nguyệt và đã thỏa thuận phân chia số tiền này. Do đó, việc ông T trình bày ông T1 không biết Quyết định số 1088/QĐ.UB là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.5] Chứng cứ do ông T cung cấp là "Tờ cho tặng đất" do ông Lê Văn T1 lập ngày 30/5/2005, không được công chứng, chứng thực, việc tặng cho đất sau khi đã có Quyết định số 1088/QĐ.UB thu hồi đất, nên việc tặng cho này không là căn cứ để ông T được cấp GCNQSDĐ.

Do Thửa đất ông T xin cấp GCNQSDĐ đã bị thu hồi và bồi thường theo Quyết định số 1088/QĐ.UB và đã bồi thường xong là thuộc đất do Nhà nước quản lý, nên không thể cấp GCNQSDĐ theo yêu cầu của ông T.

Như vậy, hành vi của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang về việc không lập thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Bảo T tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 58, tại đường Tỉnh 954, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang; Văn bản số 2753/CNPT-KT do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh PT ban hành ngày 31/7/2020; Văn bản số 897/UBND-TNMT do UBND huyện PT ban hành ngày 09/4/2021 là có căn cứ.

[3] Từ những Viện dẫn nêu trên, Tòa sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là đúng. Tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của ông Lê Bảo T, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Lê Bảo T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000316 ngày 19/9/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang, ông T không phải nộp thêm.

[5] Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241; các Điều 3, 30, 32, 116, 193, 206, 225, 348, 349 Luật Tố tụng hành chính 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông Lê Bảo T; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2022/HC-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

2. Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện sau đây của ông Lê Bảo T:

+ Bác yêu cầu hủy: Văn bản số 2753/CNPT-KT ngày 31/7/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh PT về việc hoàn trả hồ sơ;

+ Bác yêu cầu hủy: Văn bản số 897/UBND-TNMT ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện PT về việc trả lời đơn phản ánh, kiến nghị của công dân;

+ Bác yêu cầu buộc: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang thực hiện hành vi lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 800m^2 tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 58, đường tỉnh 954, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang cho ông Lê Bảo T.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Bảo T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000316 ngày 19/9/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang, ông T không phải nộp thêm.

4. Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
– TAND tỉnh An Giang;
– VKSND tỉnh An Giang;
– Cục THADS tỉnh An Giang;
–Các đương sự (3);
– Lưu HS (2), VT (5) 15b, (Án 09)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tửu